

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 3 - 2023

V/v: Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2023/QĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 245/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố C, P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Bị đơn: Anh Đặng Đại T1, sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 3, P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: Số B đường H, khu Đ, thành phố Đ, Đà Loan. Vắng mặt tại phiên tòa.

Thân nhân của anh T1: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1945 (là bố đẻ của anh T1); địa chỉ: Tổ dân phố C, P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Đặng Đại T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh

[Quảng Bình](#). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ chồng và sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bàn bạc để cho chồng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu chồng đi Đài Loan vợ chồng thường xuyên điện thoại liên lạc với nhau và quan tâm, hỏi thăm nhau. Đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh [T1](#) đi làm ăn xa, không gửi tiền về lo cho gia đình, ít quan tâm đến vợ con và đã có những cãi vã mâu thuẫn xảy ra, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau nữa, hai bên không tôn trọng nhau. Hiện tại chị [T](#) thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Đặng Đại T1](#).

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung tên là [Đặng Dương Nhật M](#), sinh ngày 15/5/2011 và cháu [Đặng Châu A](#), sinh ngày 14/7/2014. Cháu [M](#) hiện đang sống cùng với bố mẹ anh [T1](#), cháu [A](#) sống cùng với chị [T](#), nguyện vọng của chị [T](#) sau khi ly hôn chị [T](#) được nuôi cháu [A](#) và anh [T1](#) nuôi cháu [M](#) và hai bên không đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị [T](#) trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh [Đặng Đại T1](#) hiện đang làm việc và cư trú tại địa chỉ: [Số B đường H, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan](#). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh [Đặng Đại T1](#) thông qua Văn phòng Kinh tế - Văn hóa [Việt Nam tại Đ](#) nhưng không có kết quả.

Tòa án báo thân nhân của anh [T1](#) đến làm việc liên quan đến sự vắng mặt của anh [T1](#) và việc chị [T](#) xin ly hôn anh [T1](#), ông [Đặng Văn B](#) (là bố đẻ của anh [T1](#)) trình bày: Ông là cha ruột của [Đặng Đại T1](#), sinh năm 1987, Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 3, [P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#). Hiện cư trú tại: [Số B đường H, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan](#), ông trình bày ý kiến như sau: Con trai ông [Đặng Đại T1](#) và chị [Dương Thị T](#) sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 15/11/2010 tại [UBND xã Đ, huyện B](#). Trong quá trình hai con chung sống với nhau đến năm 2017 thì con trai ông đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, ông có nghe con trai nói giữa vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, nay con dâu [Dương Thị t](#) làm đơn ly hôn với con trai ông, về phía gia đình không có ý kiến gì, tùy thỏa thuận của hai vợ chồng. Con trai ông thường hay điện thoại về cho gia đình và cho biết là đang giải quyết ly hôn với [T](#) và rất mong Tòa án sớm giải quyết ly hôn để hai đứa ổn định cuộc sống; Về con chung của [T1](#) – [T](#) có hai đứa là: [Đặng Dương Nhật M](#), sinh ngày 15/5/2011 hiện đang sống với vợ chồng ông và [Đặng Châu A](#), sinh ngày 14/7/2014 hiện đang ở cùng với mẹ. Sau khi ly hôn, con trai ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu [M](#), còn con dâu nuôi dưỡng cháu [A](#) và hai bên không cấp dưỡng nuôi

con cho nhau, hiện tại ông sẽ có trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi con trai ông về Việt Nam; Về tài sản chung của vợ chồng T1 – T: Không có; Ông cũng đã nhận các Thông báo thụ lý vụ án số 961/TB-TLVA ngày 06/5/2022 và các tài liệu liên quan đến vụ án ly hôn giữa Dương Thị T và con trai ông Đặng Đại T1 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; Hiện tại vì lý do sức khỏe nên ông không thể tham gia phiên tòa theo quy định, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Đặng Đại T1; Về con chung đề nghị xử giao cháu Đặng Dương Nhật M, sinh ngày 15/5/2011 cho anh Đặng Đại T1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Châu A, sinh ngày 14/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; các đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 12403/QLXNC-P5, ngày 16/6/2022 của Cục Q - Bộ C thì anh Đặng Đại T1 đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 22/10/2017 qua sân bay quốc tế N chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến Phòng K tại D để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Đặng Đại T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Căn cứ khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Đại T1.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy chị [Dương Thị T](#) và anh [Đặng Đại T1](#) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Quảng Bình](#) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như chị [T](#) trình bày, quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì anh [T1](#) đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc và thăm hỏi, động viên nhau. Tuy nhiên đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn và không hề quan tâm nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, phù hợp với trình bày của ông [Đặng Văn B](#) (bố đẻ anh [T1](#)), chị [T](#) xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị [Dương Thị T](#) được ly hôn anh [Đặng Đại T1](#).

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có hai đứa con chung, cháu [Đặng Dương Nhật M](#), sinh ngày 15/5/2011 hiện đang sống với ông bà nội (bố mẹ anh [T1](#)), cháu [M](#) có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn; Cháu [Đặng Châu A](#), sinh ngày 14/7/2014 hiện đang sống với chị [T](#), cháu [A](#) có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; [X](#) thấy việc giao con cho người nào nuôi dưỡng thì cần xem xét đến các yếu tố, trong đó có nguyện vọng của các cháu, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu cần giao cháu [Đặng Dương Nhật M](#) cho anh [Đặng Đại T1](#) trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu [Đặng Châu A](#) cho chị [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*: Chị [T](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.150.000 đồng lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, Điều 153; các Điều 228, Điều 469, 474, 475; khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Đặng Đại T1.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Đặng Dương Nhật M, sinh ngày 15/5/2011 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng (tạm thời trước mắt cháu M do ông Đặng Văn B bố anh T1) chăm sóc cháu M; Giao cháu Đặng Châu A, sinh ngày 14/7/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai số 31AA/2021/0004960 ngày 26/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị T phải chịu 3.150.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng và đăng tin trên VOV5(đã nộp đủ tại Tòa án).

5. *Án sơ thẩm xử công khai*, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Niêm yết tại UBND phường B;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn